

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Phan Thị Thu Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ
DỊCH VỤ QUÂN THÀNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Phan Thị Thu Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phan Thị Thu Hường

Mã SV: 1712401003

Lớp : QT2101K

Ngành : Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán
tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua người bán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.

✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại đơn vị thực tập.

✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

✓ Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán thanh toán với người mua người bán năm 2020 tại Công ty TNHH Thương mại, Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.

.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Thương mại, Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : *Hòa Thị Thanh Hương*

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : *Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH Thương mại, Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 04 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 07 năm 2021

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Th.S Hòa Thị Thanh Hương**
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: **Phan Thị Thu Hương- QT2101K**; Chuyên ngành: KT - KT
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH Thương mại, Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành*

Nội dung hướng dẫn:

Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC; Tìm hiểu thực tế công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại đơn vị thực tập; Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- ✓ Hoàn thành vượt tiến độ các chương theo qui định của GV hướng dẫn;
- ✓ Có trách nhiệm cao với công việc được giao.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- ✓ Khóa luận tốt nghiệp có bố cục hợp lý;
- ✓ Đã khái quát hóa được lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua người bán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC;
- ✓ Phản ánh được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH Thương mại, Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành với số liệu logic;
- ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2021.

Giảng viên hướng dẫn

Th.S Hòa Thị Thanh Hương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1.....	2
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	2
1.1. Khái niệm phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.....	2
1.1.1 Phương thức thanh toán	2
1.1.2 Hình thức thanh toán	2
1.2 Nội dung công tác kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	4
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.	4
1.2.2 Chứng từ kế toán sử dụng	5
1.2.3 Tài khoản kế toán sử dụng	5
1.2.4 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	7
Kế toán thanh toán với người mua được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.1).....	7
1.3. Nội dung công tác kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	8
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	8
1.3.2 Chứng từ kế toán sử dụng	9
1.3.3 Tài khoản kế toán sử dụng	10
1.3.4. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	11
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	13
1.4.1. Tỷ giá và quy định về sử dụng tỷ giá trong kế toán.....	13
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán liên quan đến ngoại tệ	14

1.4.2.1 Tài khoản sử dụng	14
1.4.2.2 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ ..	14
1.4.2.3 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ ...	15
1.5. Kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	16
1.5.1 Khái niệm dự phòng nợ phải thu khó đòi	16
1.5.2. Điều kiện, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.	16
Theo Điều 36 TT 133/2016/TT-BTC khi hạch toán TK 2293:	16
1.5.3 Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	17
1.5.4. Cách hạch toán khoản nợ phải thu khó đòi.....	18
1.6. Kế toán chiết khấu thanh toán.....	20
1.6.1. Khái niệm chiết khấu thanh toán.....	20
1.6.2. Nguyên tắc hạch toán chiết khấu thanh toán.....	20
1.7. Đặc điểm ghi sổ kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán.....	21
1.7.1. Đặc điểm ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung	21
1.7.2. Đặc điểm ghi sổ kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái	24
1.7.3. Đặc điểm ghi sổ kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	26
1.7.4. Đặc điểm ghi sổ kế toán thanh toán theo hình thức kế toán máy.	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN	30
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ QUÂN THÀNH.....	30
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.....	30
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	30
2.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.....	31

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	33
2.1.4 Đặc điểm công tác kế toán của công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	36
2.1.4.1 Đặc điểm mô hình bộ máy kế toán của công ty	36
2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	38
2.1.4.3. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.....	39
2.2 Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	40
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	40
2.2.1.1. Phương thức thanh toán tại công ty	40
2.2.1.2 Hình thức thanh toán tại công ty	41
2.2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.....	41
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng tại công ty	41
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại công ty	41
2.2.2.3 Sổ sách sử dụng tại công ty.....	42
2.2.2.4 Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty	42
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.....	52
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng tại công ty	52
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng tại công ty	52
2.2.3.3 Sổ sách sử dụng tại công ty.....	52

2.2.2.4 Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty	52
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ QUÂN THÀNH	63
3.1. Đánh giá về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	63
3.1.1. Ưu điểm.....	63
3.1.2. Hạn chế.....	65
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	67
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	67
3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác hạch toán kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành. ...	68
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.....	68
3.2.3.1 Công ty nên đẩy mạnh các giải pháp thu hồi công nợ	68
3.2.3.2 Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi	70
3.2.3.3 Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác ghi sổ sách kế toán của doanh nghiệp.....	76
KẾT LUẬN	82

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	7
Sơ đồ 1.2: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	12
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung	22
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái	24
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua người bán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	26
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy.	28
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	34
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	37
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.	38
Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	43
Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	53

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Ủy nhiệm chi của Công ty Cổ phần Nam Hoa	44
Biểu số 2.2: Giấy báo có của ngân hàng	45
Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng số 680	46
Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung	47
Biểu số 2.5: Trích sổ Cái TK 131	48
Biểu số 2.6: Sổ chi tiết phải thu khách hàng	49
Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng	50
Biểu số 2.8: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua	51
Biểu số 2.9 : Hóa đơn giá trị gia tăng số 5020	55
Biểu số 2.10: Phiếu nhập kho số 485	56
Biểu số 2.11: Ủy nhiệm chi số 25	57
Biểu số 2.12: Giấy báo nợ của ngân hàng số 840	58
Biểu số 2.13: Trích sổ Nhật ký chung	59
Biểu số 2.14: Trích sổ Cái TK 331	59
Biểu số 2.15: Sổ chi tiết thanh toán với người bán	61
Biểu số 2.16: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán	62

LỜI MỞ ĐẦU

Với nền kinh tế đang trong thời kỳ phát triển cạnh tranh như hiện nay thì đối với doanh nghiệp công tác kế toán công nợ cũng rất quan trọng vì một doanh nghiệp ngoài việc phải thanh toán các khoản nợ cho khách hàng nhằm để có được chữ tín với khách hàng, còn phải thu hồi được các khoản nợ để tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn của doanh nghiệp. Ngoài ra việc thanh toán cũng giúp doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Để giải quyết được vấn đề này Công ty cần xây dựng cho mình quy trình hạch toán hiệu quả, phù hợp với thực tế của công ty nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với chế độ chuẩn mực kế toán của Nhà nước.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành em nhận thấy tại Công ty chỉ dừng ở việc theo dõi đầy đủ nhưng chưa kịp thời về tình hình công nợ. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán thanh toán cùng với kiến thức đã được học ở trường, em chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành”*** làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận khóa luận gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.

Trong quá trình viết bài không tránh khỏi thiếu sót em mong được sự góp ý của các thầy, cô giáo để em có thể hoàn thiện bài viết của mình hơn. Em xin chân thành cảm ơn ThS.Hòa Thị Thanh Hương đã hướng dẫn, cảm ơn ban lãnh đạo cùng các cô bác trong phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Phan Thị Thu Hương

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. Khái niệm phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.

Thanh toán là thuật ngữ ngắn gọn mô tả công việc chuyển giao các phương tiện tài chính từ một bên (người hoặc công ty, tổ chức) sang cho một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm, dịch vụ, một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

1.1.1 Phương thức thanh toán

Phương thức thanh toán là cách thức nhận, trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, các đơn vị, các doanh nghiệp với nhau, hai bên đồng thời thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó.

Có hai phương thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản,...

- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thỏa thuận.

1.1.2 Hình thức thanh toán

Hình thức thanh toán cổ xưa nhất đó là hàng đổi hàng, còn hiện nay có rất nhiều hình thức thanh toán gồm: tiền mặt, chuyển khoản, ghi nợ, tín dụng, séc,... Đây là những cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp với nhau. Hai bên phải cùng thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Trong giao dịch thương mại thanh toán phải đi kèm với hóa đơn và biên nhận.

Hiện nay, có hai hình thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt.

- **Thanh toán bằng tiền mặt:** Là bên mua xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư hàng hóa, chủ yếu áp dụng cho những giao dịch phát sinh với số tiền nhỏ, nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên hẹp (hiện nay được áp dụng đối với những khoản nhỏ hơn 20 triệu đồng).

- **Thanh toán không dùng tiền mặt:** Là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Hình thức này ngày càng được sử dụng phổ biến vì tiết kiệm thời gian chi phí cũng như giảm đáng kể lượng tiền trong lưu thông. Các hình thức bao gồm: Thanh toán bằng Séc, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thư tín dụng–L/C.

+ **Thanh toán bằng Séc:** Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị có tên trên Séc. Đơn vị phát hành Séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng Séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư. Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức.

+ **Thanh toán bằng ủy nhiệm thu:** Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

+ **Thanh toán bằng ủy nhiệm chi:** Ủy nhiệm chi là giấy tờ ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước, và một số khoản thanh toán khác,...

+ **Thanh toán bù trừ:** Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành một văn bản để làm căn cứ theo dõi.

+ ***Thanh toán bằng thư tín dụng - L/C***: theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn vị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

+ ***Thanh toán bằng thẻ tín dụng***: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

1.2 Nội dung công tác kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.

Theo Điều 17 Thông tư 133/2016/TT-BTC khi hạch toán tài khoản 131 (tài khoản phải thu của khách hàng) phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

- Tài khoản 131 dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định (TSCĐ), các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản 131 còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu xây dựng cơ bản (XD CB) với người giao thầu về khối lượng công tác XD CB đã hoàn thành.

Lưu ý: Không phản ánh vào tài khoản 131 các nghiệp vụ thu tiền ngay.

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

- Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản 131 đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.
- Trong hạch toán chi tiết tài khoản 131, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được. Khoản thiệt hại về nợ phải thu khó đòi sau khi trừ dự phòng đã trích lập được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Khoản nợ khó đòi đã xử lý khi đòi được, hạch toán vào thu nhập khác.
- Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo thoả thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thoả thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

1.2.2 Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có ngân hàng
- Biên bản bù trừ công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Hợp đồng bán hàng
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.3 Tài khoản kế toán sử dụng

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131-Phải thu của khách hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản

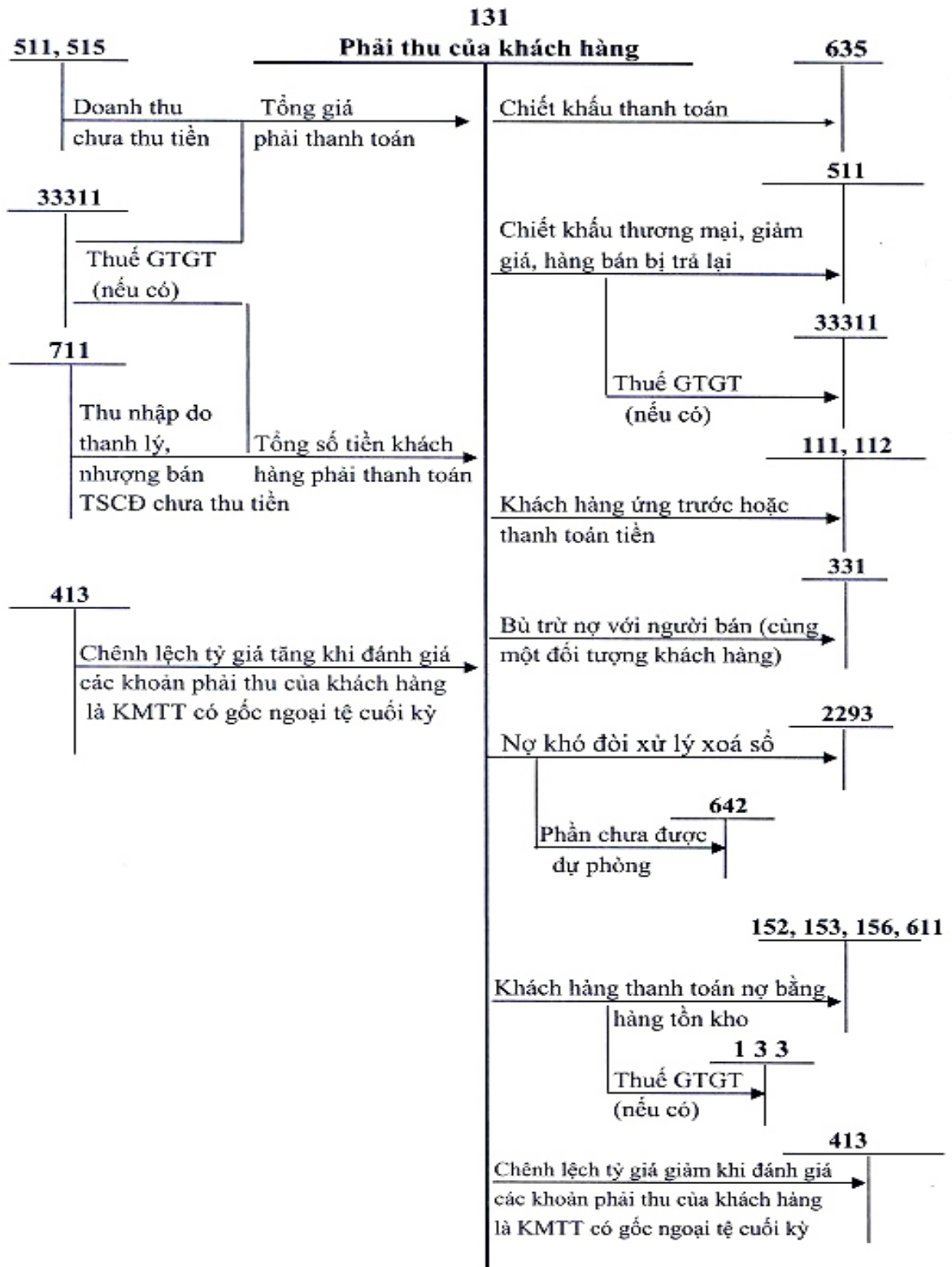
phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XDCCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCCB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

Kết cấu tài khoản 131-Phải thu của khách hàng:

Bên Nợ	Bên Có
Số dư ĐK bên nợ: - Số tiền còn phải thu của khách hàng	Số dư ĐK bên có(nếu có): - Phản ánh số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng
PSTK: - Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính; - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng; - Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).	PSTK: - Số tiền khách hàng đã trả nợ; - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng; - Khoản giảm giá hàng bán trừ vào nợ phải thu của khách hàng; - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT); - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua; - Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).
Số dư CK bên nợ: - Số tiền còn phải thu của khách hàng	Số dư CK bên có (nếu có): - Phản ánh số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng

1.2.4 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Kế toán thanh toán với người mua được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.1)



Sơ đồ 1.1: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.3. Nội dung công tác kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Theo Điều 40 Thông tư 133/2016/TT-BTC khi hạch toán tài khoản 331 (tài khoản phải trả cho người bán) phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

- Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

+ Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

+ Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao

dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

+ Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

- Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

- Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

- Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.3.2 Chứng từ kế toán sử dụng

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ
- Biên bản đối chiếu công nợ

- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ liên quan khác

1.3.3 Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản sử dụng: TK 331- Phải trả cho người bán. Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả.

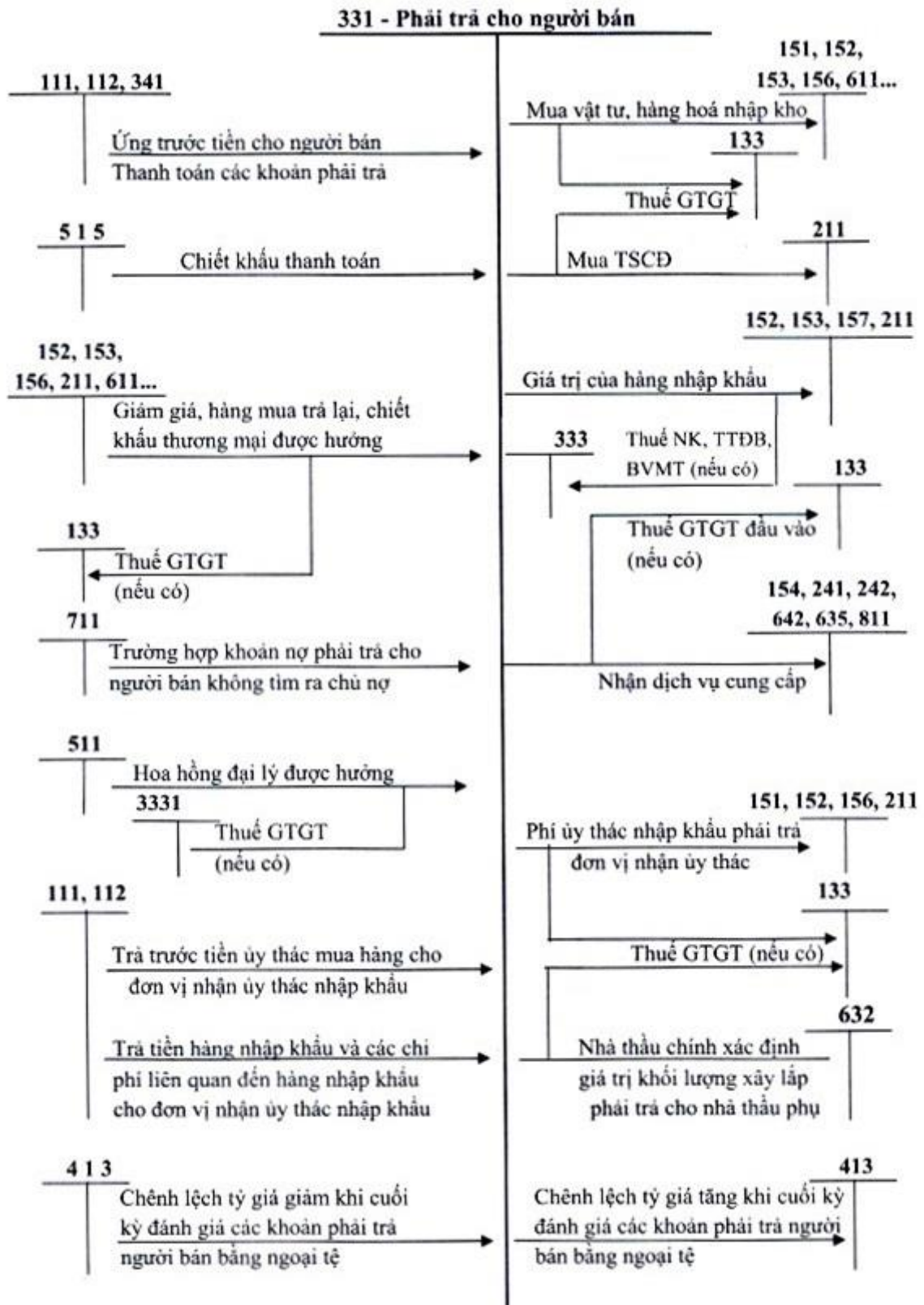
Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

Bên Nợ	Bên Có
Số dư đầu kỳ (nếu có): Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.	Số dư đầu kỳ: Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.
PSTK: -Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp; - Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao; - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng; - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán;	PSTK: -Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp; - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức; - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

<p>- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.</p> <p>- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).</p>	
<p>Số dư cuối kỳ (nếu có):</p> <p>Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.</p>	<p>Số dư cuối kỳ:</p> <p>Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.</p>

1.3.4. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Kế toán thanh toán với người bán được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.2):



Sơ đồ 1.2: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1. Tỷ giá và quy định về sử dụng tỷ giá trong kế toán

Tỷ giá (còn được gọi là tỷ giá trao đổi ngoại tệ) giữa hai tiền tệ là tỷ giá mà tại đó một đồng tiền này sẽ được trao đổi cho một đồng tiền khác. Nó cũng được coi là giá cả đồng tiền của một quốc gia được biểu hiện bởi một tiền tệ khác.

Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Trong kế toán sử dụng loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất quỹ và tỷ giá ghi nhận nợ.
 - + Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước VN công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.
 - + Tỷ giá xuất quỹ là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.
 - + Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.
- Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện);

- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

- Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào: Tỷ giá giao dịch thực tế, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi sổ kế toán.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán liên quan đến ngoại tệ

1.4.2.1 Tài khoản sử dụng

- 131 - Phải thu khách hàng
- 331 - Phải trả người bán
- 635 - Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)
- 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)

Cuối kì hạch toán, kế toán điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

1.4.2.2 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ

- Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, ghi:

Nợ TK 131 : Tỷ giá ghi nhận nợ - tỷ giá thực tế

Có TK 511 : Tỷ giá thực tế

Có TK 3331: Tỷ giá thực tế

- Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112: theo tỷ giá thực tế ngày thanh toán

Nợ TK 635: Chênh lệch lỗ tỷ giá

Có TK 131: Theo tỷ giá ngày ghi sổ (tỷ giá ghi nhận nợ)

+Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111, 112: tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch

Có TK 515: chênh lệch lãi của tỷ giá thực tế với tỷ giá ngày ghi sổ

Có TK 131: tỷ giá ngày ghi sổ kế toán (tỷ giá ghi nhận nợ)

- Khi lập Báo cáo tài chính, đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng.

Có TK 413 – Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái.

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

1.4.2.3 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi:

Nợ TK 152, 153, 154, 211: tỷ giá thực tế

Nợ TK 133: tỷ giá thực tế

Có TK 331: tỷ giá thực tế

- Khi thanh toán:

+ Phát sinh lãi tỷ giá

Nợ TK 331: Tỷ giá ngày ghi sổ

Có TK 111, 112... : Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế ngày thanh toán.

Có TK 515: Nếu lãi về tỷ giá hối đoái (chênh lệch giữa tỷ giá ngày ghi sổ với tỷ giá thực tế ngày thanh toán).

+ Phát sinh lãi tỷ giá

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635: Nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK 111, 112...: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế ngày thanh toán

- Khi lập báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam:

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 331 – Phải trả người bán

1.5. Kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.5.1 Khái niệm dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi.

1.5.2. Điều kiện, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Theo Điều 6 TT 48/2019/TT-BTC khi hạch toán TK 2293:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

a) Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở nên	100%

b) Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn

bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp

1.5.3 Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

a) Khi lập báo cáo tài chính: Doanh nghiệp xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

b) Doanh nghiệp trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng, bản cam kết... doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn..

c) Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm:

- Một trong số các chứng từ gốc sau: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ;

- Bản thanh lý hợp đồng (nếu có);

- Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát);

- Bảng kê công nợ;

- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

d) Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán lớn hơn số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì số

chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán nhỏ hơn số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

e) Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm:

Doanh nghiệp đã cố gắng dùng nhiều biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì doanh nghiệp có thể làm các thủ tục bán nợ cho công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Việc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp. Nếu sau khi đã xóa nợ mà doanh nghiệp lại đòi được nợ thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào tài khoản 711 – Thu nhập khác.

1.5.4. Cách hạch toán khoản nợ phải thu khó đòi

Tài khoản sử dụng: 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi

Kết cấu của tài khoản 2293: Dự phòng phải thu khó đòi

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lên kỳ trước chưa sử dụng hết.
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.
- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa bỏ.

Bên Có:

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Số dư bên Có:

- Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

Phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi như sau:

a) Khi lập báo cáo tài chính căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 – Dự phòng phải thu khó đòi (2293)

b) Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng phải thu khó đòi(2293)

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

c) Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ TK 111, 112, 331, 334....(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 - Dự phòng phải thu khó đòi (2293) (phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (phần được tính vào chi phí)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

d) Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112,....

Có TK 711 - Thu nhập khác

đ) Đối với những khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thỏa thuận, tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 111, 112 (theo giá thỏa thuận)

Nợ 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có TK 131, 138...

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 111, 112 (theo giá thỏa thuận)

Nợ TK 229 – Dự phòng phải thu khó đòi (2293) (Số đã lập dự phòng)

Có TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (Số tổn thất từ việc bán nợ)

Có TK 131, 138....

e) Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn Nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

1.6. Kế toán chiết khấu thanh toán

1.6.1. Khái niệm chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền người bán giảm cho người mua vì đã thanh toán trước thời hạn hợp đồng.

Tài khoản sử dụng khi hạch toán:

TK 635 - Chi phí tài chính khi doanh nghiệp là người bán

TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

1.6.2. Nguyên tắc hạch toán chiết khấu thanh toán

Người bán lập phiếu chi, người mua lập phiếu thu để trả và nhận khoản chiết khấu thanh toán. Căn cứ vào phiếu thu, chi 2 bên hạch toán chiết khấu thanh toán như sau:

+ Bên bán:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính cách hạch toán chiết khấu thanh toán

Có TK 131: (nếu bù trừ luôn vào khoản phải thu)

Có TK 111, 112: (nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản)

+ Bên mua:

Nợ TK 331: (Nếu giảm trừ công nợ)

Nợ TK 111, 112: (Nếu nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản)

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Chiết khấu thanh toán bù trừ công nợ: Đối với trường hợp này sẽ không có phiếu thu và phiếu chi về khoản chiết khấu thanh toán mà hai bên người bán và người mua cần có các hoạt động kinh tế, thể hiện phần chiết khấu luôn khi thanh toán. Khi đó, bên bán sẽ đối chiếu công nợ và xác minh về các khoản bù trừ công nợ khi thanh toán.

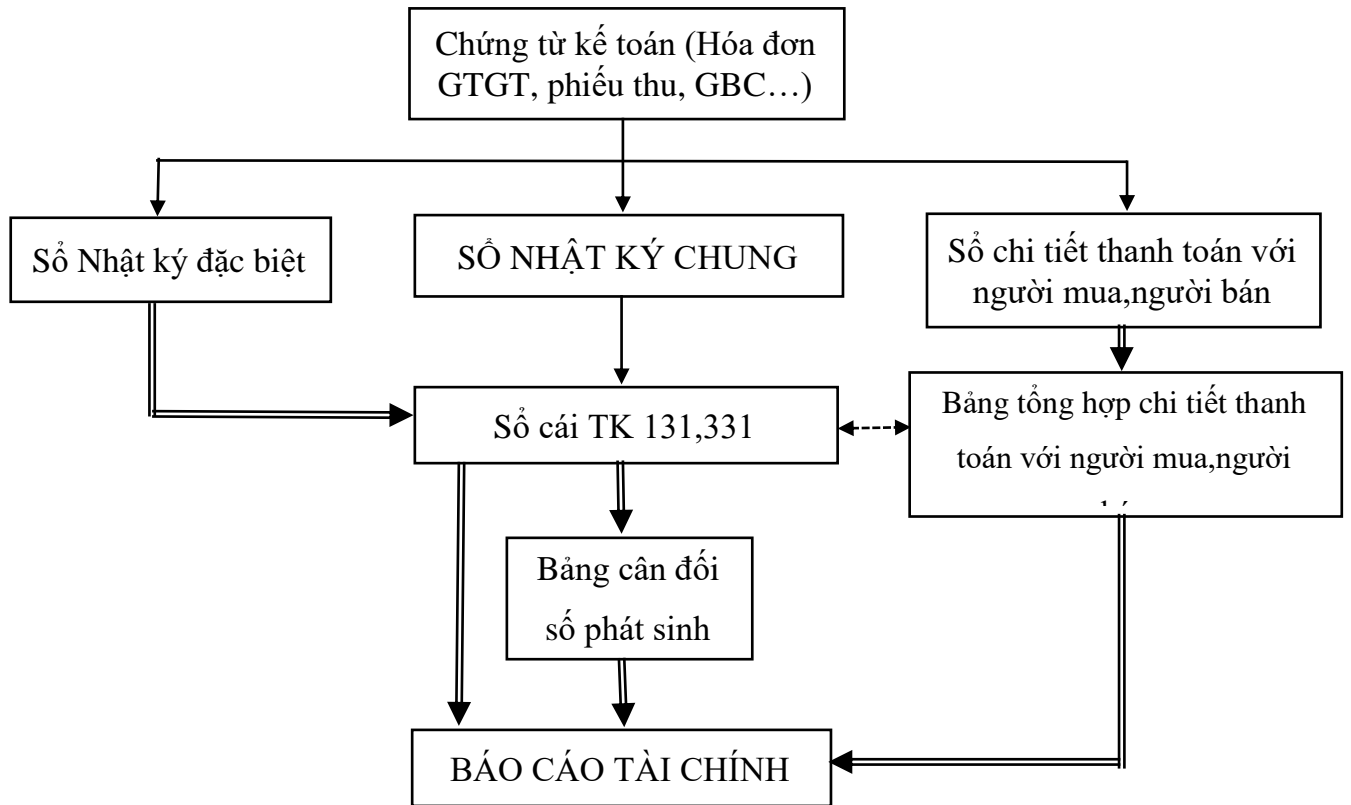
1.7. Đặc điểm ghi sổ kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán.

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 có 4 hình thức ghi sổ kế toán sau:

- Các hình thức kế toán
- + Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- + Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái;
- + Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- + Hình thức kế toán máy.

1.7.1. Đặc điểm ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung được thể hiện qua (sơ đồ 1.3):



Chú thích:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi định kỳ: = = = = =>
- Quan hệ đối chiếu: <----->

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, nhật ký đặc biệt
- Sổ cái TK thanh toán với người mua, người bán
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán
- Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua, người bán

Trình tự ghi sổ kế toán:

- Hàng ngày: Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó dựa vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung ghi sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ kế toán chi tiết có liên quan.

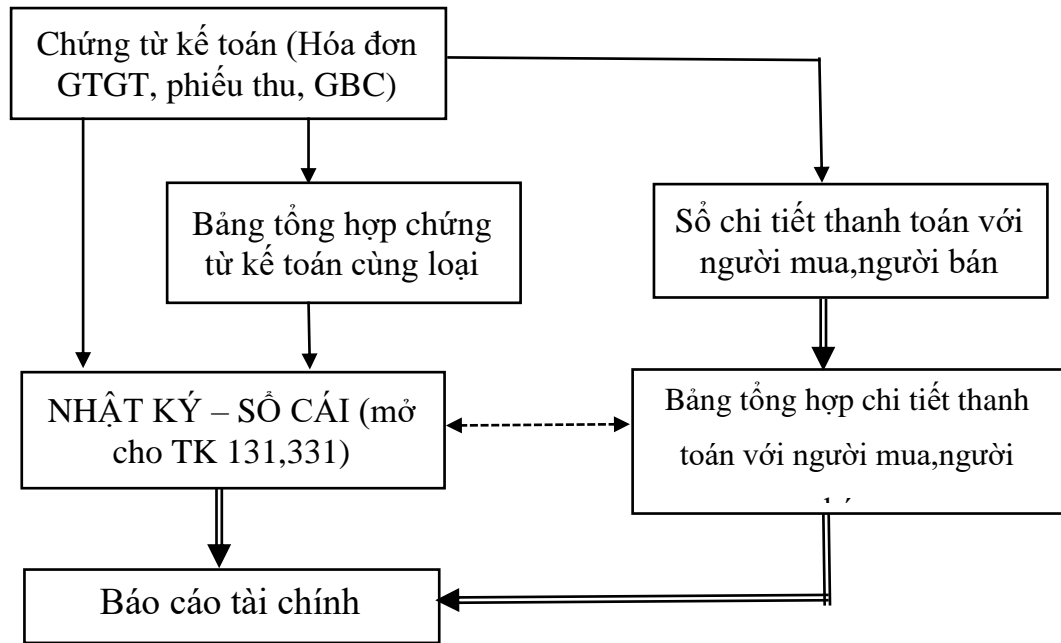
+ Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt có liên quan. Định kỳ (3, 5, 10,... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm:

+ Cộng số liệu trên sổ cái. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

1.7.2. Đặc điểm ghi sổ kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái

Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái được thể hiện qua (Sơ đồ 1.4):



Chú thích:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi định kỳ: =====>
- Quan hệ đối chiếu: <----->

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Sổ sách chủ yếu:
 - + Nhật ký - Sổ cái;
 - + Các sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán.
 - + Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua, người bán.

- Ưu điểm

+ Số lượng ít, mẫu số đơn giản dễ ghi chép.

+ Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký – Sổ Cái.

- Nhược điểm:

+ Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán.

+ Khó thực hiện đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn phát sinh nhiều tài khoản.

- Công việc hàng ngày:

+ Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên một dòng của cả hai phần Nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

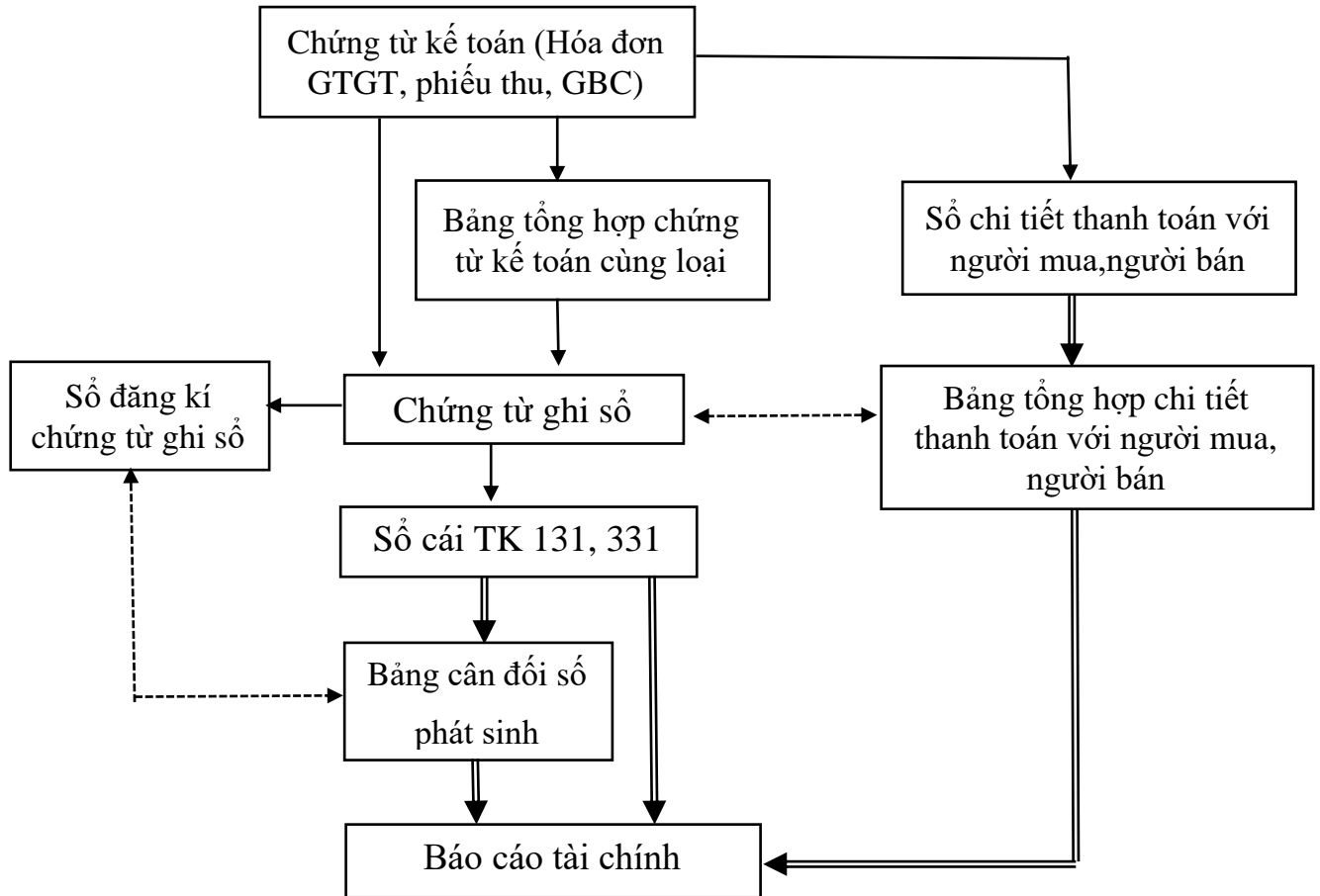
+ Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Công việc cuối kỳ (tháng, quý, năm).

+Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột nợ, cột có trong từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng khoản trên Nhật ký – Sổ cái.

1.7.3. Đặc điểm ghi sổ kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua (sơ đồ 1.5):



Chú thích:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi định kỳ: = = = = =>
- Quan hệ đối chiếu: <----->

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua người bán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

- Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái tài khoản thanh toán với người mua, người bán;
- Sổ kế toán chi tiết thanh toán với người mua, người bán;
- Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua, người bán.

Ưu điểm

- Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.

Nhược điểm

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện cuối tháng vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

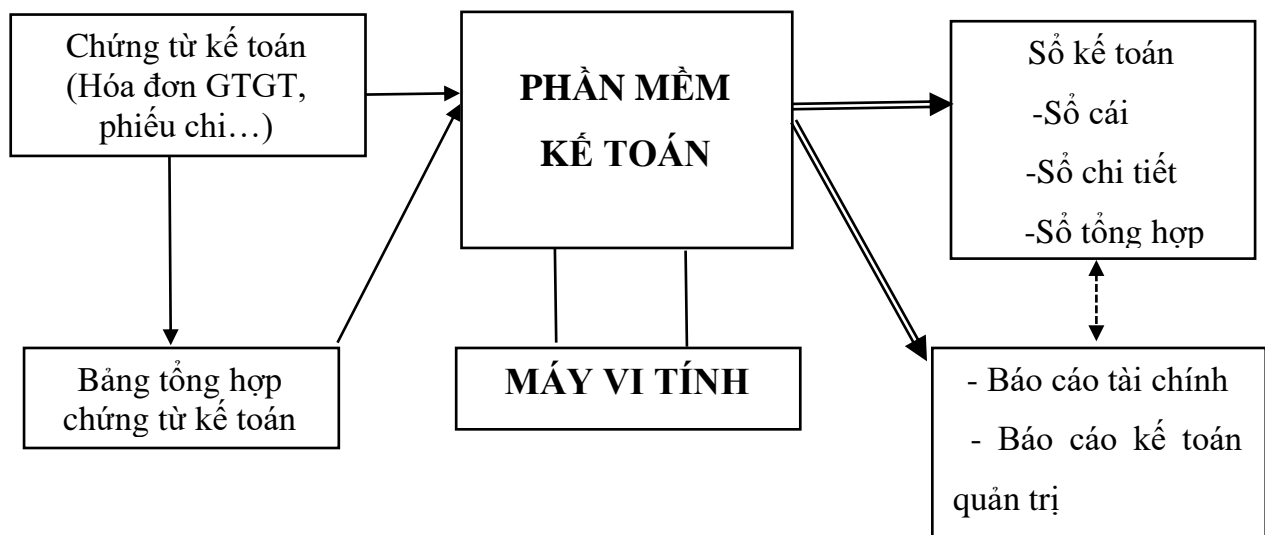
Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.7.4. Đặc điểm ghi sổ kế toán thanh toán theo hình thức kế toán máy.

Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy được thể hiện qua (sơ đồ 1.6):



Chú thích:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi định kỳ: =====>
- Quan hệ đối chiếu: <----->

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy.

- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết

hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. hình thức kế toán máy vi tính

Các loại sổ của Hình thức kế toán máy: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ QUÂN THÀNH**

**2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ
Quân Thành**

***2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại Xây
dựng và Dịch vụ Quân Thành***

Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ
QUÂN THÀNH

Tên giao dịch quốc tế: QUAN THANH SERVICES AND CONSTRUCTION
TRADING COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành
phố Hải Phòng, Việt Nam.

Loại hình pháp lý: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Mã số thuế doanh nghiệp: 0201726232

Tên người đại diện theo pháp luật: Phạm Thị Dịu

Điện thoại: 0313.624.648

Ngày thành lập: ngày 18 tháng 05 năm 2016

Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành là một công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng để giao dịch và tài khoản được mở tại Ngân hàng Techcombank Hải Phòng. Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành là công ty chuyên về lĩnh vực xây dựng và cung cấp nguyên vật liệu xây dựng tại Hải Phòng.

Công ty thành lập từ 2016 đến nay công ty đã có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức nhân sự, bổ sung ngành nghề kinh doanh sao cho phù hợp với sự phát triển của xã hội đòi hỏi tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên phải có sự cố gắng nỗ lực hết mình. Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành trải qua 5 năm hình thành và phát triển luôn cố gắng giữ gìn một hình ảnh và uy tín tốt đẹp với khách hàng. Công ty có lực lượng thiết bị máy móc, phương tiện kỹ thuật đa

dạng, hiện đại tiên tiến về công nghệ đáp ứng được nhu cầu thi công xây lắp các loại công trình có quy mô lớn đòi hỏi kỹ thuật cao, tính chất và điều kiện thi công phức tạp. Trong thời buổi kinh tế thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt về chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhưng công ty vẫn không ngừng nỗ lực mở rộng thị trường phát triển đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo khả năng thu hồi vốn để tái đầu tư. Công ty luôn thực hiện hạch toán kinh tế trên cơ sở luôn tuân thủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty

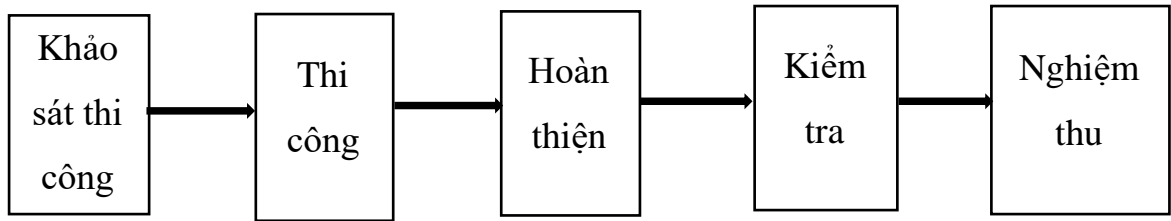
Các ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình công ích
- **Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chính)**
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép)
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc bản đồ; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; tư vấn, thiết kế, giám sát công trình xây dựng)

Công ty căn cứ vào nhu cầu của thị trường để chủ động đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện kế hoạch có hiệu quả. Trên cơ sở các luận

chứng kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư, công ty tổ chức dự thầu xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, tổ chức quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tiền vốn, vật tư trang thiết bị, lực lượng lao động,... để đạt hiệu quả cao nhất.

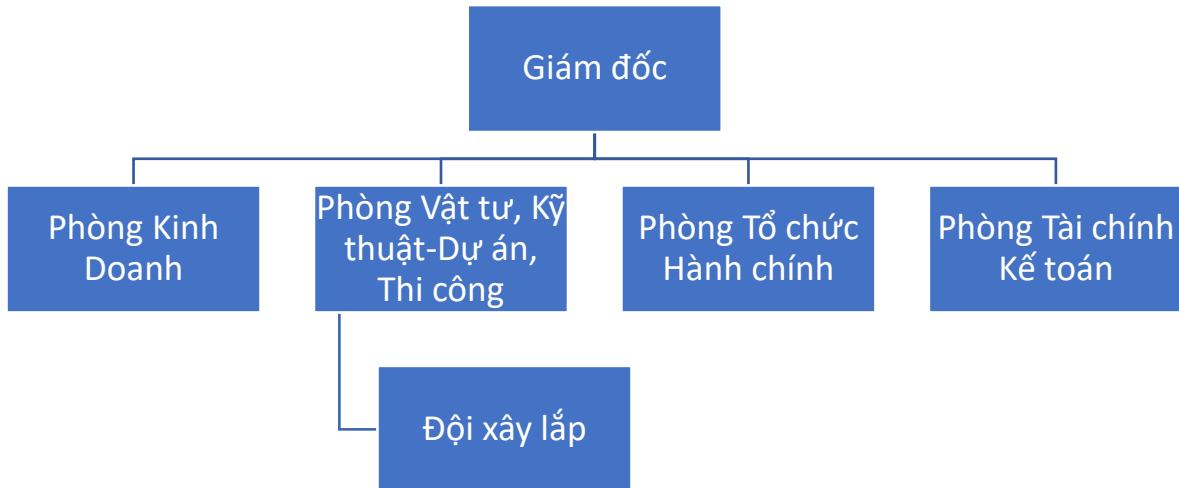
- Các công trình của công ty được tiến hành gồm cả đấu thầu và chỉ định đấu thầu, sau khi ký kết hợp đồng công ty lập ban chỉ huy công trường, giao nhiệm vụ cho các phòng ban.
- Chức năng phải lập kế hoạch cụ thể, tiến độ và các phương án đảm bảo cung cấp vật tư, máy móc thiết bị thi công, tổ chức thi công hợp lý đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng hợp đồng kinh tế đã ký kết với chủ đầu tư hay với công ty.
- Việc quản lý vật tư chủ yếu giao cho phòng vật tư theo dõi tình hình mua vật tư cho đến khi xuất ra công trình. Máy móc thi công chủ yếu là của công ty ngoài ra công ty còn thuê ngoài để đảm bảo quá trình thi công và do phòng vật tư chịu trách nhiệm vận hành, quản lý trong thời gian làm việc ở công trường.
- Lao động được sử dụng chủ yếu là công nhân của công ty, chỉ thuê lao động ngoài trong trường hợp công việc gấp rút cần đảm bảo tiến độ thi công đã kí kết trong hợp đồng.
- Ngành xây dựng là ngành sản xuất vật chất có đặc điểm riêng, tạo nên cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế quốc dân. Sản phẩm ngành xây dựng là các công trình (nhà ở, nhà máy, cầu đường, công trình phúc lợi...) có đủ điều kiện đưa vào sản xuất hoặc sử dụng ngay sau khi hoàn thành. Xuất phát từ những đặc điểm, quá trình sản xuất của công ty mang tính liên tục, đa dạng và phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Mỗi công trình đều có dự toán riêng, thiết kế riêng, địa điểm thi công khác nhau. Vì vậy để tổ chức sản xuất kinh doanh công ty đã lập ra các đội thi công, các đội này trực tiếp thực hiện các giai đoạn trong quá trình sản xuất ra sản phẩm.
- Các giai đoạn tổng quát để thi công của công ty được mô tả sơ đồ như sau



- Giai đoạn khảo sát thi công: Là giai đoạn quan trọng trong quá trình thi công một công trình, nó quyết định trực tiếp đến quá trình tồn tại của công trình. Ở giai đoạn này, sau khi nhận bàn giao địa điểm, công ty sẽ thành lập ngay đội khảo sát thiết kế, được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ khảo sát thiết kế cho dự án. Đội khảo sát sẽ tiến hành ngay công tác đo đạc, kiểm tra hệ thống đo đạc mốc. Từ đó thiết kế và chọn phương án thi công hợp lý.
- Giai đoạn thi công: Là giai đoạn thực hiện các bước theo tiến độ được lập ra dựa trên bản thiết kế do bộ phận kỹ thuật cung cấp.
- Giai đoạn hoàn thiện: Thực hiện các công tác hoàn thiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng và tính thẩm mỹ của công trình.
- Giai đoạn kiểm tra: Tiến hành kiểm tra thực tế các khâu mục công trình đúng như thiết kế được duyệt thì tiến hành nghiệm thu.
- Giai đoạn nghiệm thu: Khi công trình đã được nghiệm thu xong thì tiến hành bàn giao cho bên chủ đầu tư.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.1):



Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

***Giám đốc:** Bà Phạm Thị Dịu - Là người có quyền quyết định điều hành hoạt động của Công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm mọi hoạt động kinh doanh của Công ty trước pháp luật, lập ra định hướng phát triển cho công ty, đưa ra các quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ doanh nghiệp, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính, chất lượng...Được quyền thay thế hoặc miễn nhiệm những cán bộ hoặc người lao động khi xét thấy họ không đảm đương được nhiệm vụ được giao.

*** Các phòng ban chức năng:** Đây là một ban tham mưu giúp việc cho Giám đốc, chịu sự điều hành của ban Giám đốc. Ngoài việc thực hiện chức năng của mình, các phòng ban cũng phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm kiểm tra, đối chiếu số liệu và giúp đỡ nhau hoàn thành công việc được giao.

- Phòng Kinh Doanh:

- + Giúp giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh, trực tiếp tổ chức khai thác nguồn hàng, tham gia và kinh doanh mua bán hàng hóa.
- + Lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo hợp đồng kinh tế, thực hiện các hợp đồng ký kết.

+ Có nhiệm vụ xây dựng và thực hiện các chiến lược quảng cáo, xúc tiến bán hàng, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, đưa ra ý kiến đề xuất phát hiện những vấn đề chưa hợp lý, đồng thời tìm kiếm các đơn đặt hàng.

- Phòng Vật tư, Kỹ thuật-Dự án, Thi công:

+ Chịu trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất (từ hồ sơ thiết kế, đến lập phương án thi công), chỉ đạo sản xuất. Trong phòng kế hoạch sản xuất bộ phận kỹ thuật có chức năng kiểm tra hồ sơ thiết kế lập các mặt cắt, kiểm tra địa chất, giám sát thi công trong suốt quá trình sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ thi công để đạt tiêu chuẩn đề ra.

+ Quản lý tổng hợp máy móc, thiết bị công nghệ, máy thi công, phương tiện vận tải các loại, thiết bị cơ khí, thiết bị điện, hệ thống đường dây, trạm điện.

+ Xây dựng kế hoạch sửa chữa cơ khí, phục hồi thiết bị. Tham gia cùng các phòng chức năng của công ty xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về đầu tư thiết bị. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sửa chữa cơ khí, phục hồi thiết bị, hướng dẫn kỹ thuật lắp máy, lắp điện, hiệu chỉnh điện...

+ Tổng hợp cân đối nhu cầu huy động, đổi mới thiết bị và phụ tùng thay thế.

+ Chủ trì đánh giá tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyên; chủ trì chuẩn bị hồ sơ, thủ tục thanh lý tài sản cố định như máy móc, thiết bị theo phân cấp quản lý.

+ Tham gia xây dựng các định mức kỹ thuật về năng suất máy móc, tiêu hao năng lượng, nhiên liệu, vật tư phụ tùng. Định mức tổng hợp sửa chữa phương tiện, máy, sản xuất cơ khí và xây dựng các quy trình vận hành...

+ Nhập xuất vật tư – nhiên liệu phục vụ cho sửa chữa và thi công

- Phòng Tổ chức Hành chính:

+ Là đơn vị tham mưu giúp giám đốc chỉ đạo quản lý về tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương, xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, tuyển dụng nguồn lực

+ Bảo vệ chính trị nội bộ

+ Đảm nhiệm công tác hành chính - tổng hợp, văn thư - lưu trữ

- + Phụ trách công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật
- + Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, pháp chế theo quy định hiện hành

- Phòng Tài chính Kế toán:

- + Giám sát về tài chính, kiểm tra phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán một cách chính xác, kịp thời giúp giám đốc ra quyết định sản xuất kinh doanh.
- + Giám đốc việc sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng tài sản của công ty đảm bảo đúng mục đích yêu cầu và có hiệu quả.
- + Mở các loại sổ sách, biểu mẫu kế toán, ghi chép phản ánh số hiện có tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.
- + Lập các báo cáo tài chính định kỳ đầy đủ, thực hiện nghiêm chỉnh việc trích nộp ngân sách. Trích và sử dụng đúng các loại quỹ theo quy định hiện hành.
- + Lập các hoá đơn thực hiện thanh toán với các chủ hàng và đơn vị liên quan, trực tiếp quản lý nguồn thu, chi.

- **Các đội thi công:** trực tiếp thi công, lắp đặt các công trình theo thiết kế đã được duyệt.

2.1.4 Đặc điểm công tác kế toán của công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

2.1.4.1 Đặc điểm mô hình bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án đánh giá đầu tư sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Mô hình bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.2):



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

***Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận**

- Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:

+ Là người chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về việc tổ chức chỉ đạo thực hiện hướng dẫn công tác kế toán trong công ty. Kế toán trưởng có chức, năng nhiệm vụ chỉ đạo chung đối với mọi hoạt động của bộ máy kế toán trong công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập bảng biểu về tình hình kinh doanh kinh doanh của công ty.

+ Thường xuyên tham mưu giúp cho ban giám đốc thấy rõ mọi hoạt động kinh doanh kinh doanh của đơn vị mình. Từ đó đề ra biện pháp xử lý.

+ Tổng hợp số liệu của toàn đơn vị, lập báo cáo theo quy định của pháp luật.

- Kế toán vốn bằng tiền, TSCĐ, tiền lương:

+ Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao tài sản cố định theo quy định.

+ Có nhiệm vụ theo dõi việc trả lương đối với cán bộ, thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

- Kế toán thanh toán, doanh thu, chi phí:

+ Theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc;

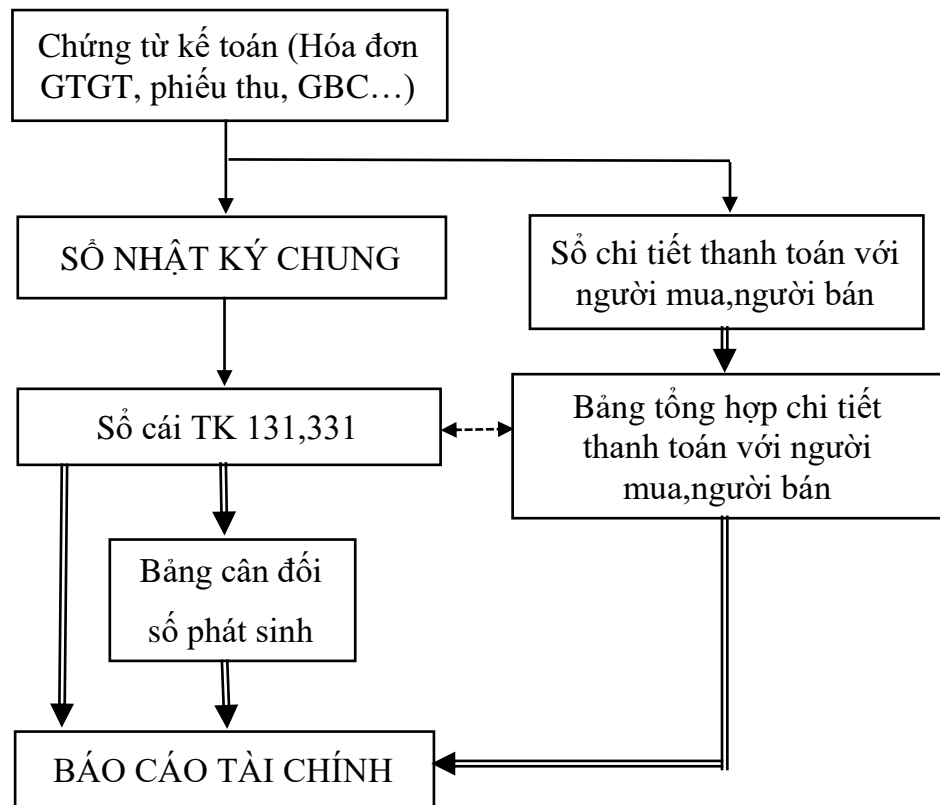
+ Theo dõi hạch toán doanh thu, chi phí trong quá trình hoạt động của công ty.

- **Thủ quỹ kiêm thủ kho:** Theo dõi tình hình thu chi và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ. Thủ quỹ hàng ngày còn phải lập báo cáo thu chi tồn quỹ cho lãnh đạo doanh nghiệp.

2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.3)



Chú thích:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi định kỳ: \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

2.1.4.3. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.
- Phương pháp tính thuế Giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hằng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND)

***Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:**

- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tình hình tài chính - Mẫu B01a-DNN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09-DNN

2.2 Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

2.2.1.1. Phương thức thanh toán tại công ty

Tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành áp dụng phương thức thanh toán trả ngay và chậm trả:

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

Đối với người mua:

- Với những khách hàng cá nhân mua hàng với số lượng ít và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty, công ty sẽ áp dụng phương thức thanh toán ngay.
- Với những khách hàng thường xuyên, mua hàng với số lượng lớn, công ty có thể áp dụng phương pháp chậm trả.

Đối với người bán:

- Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ lẻ.

- Đối với nhà cung cấp lâu năm, cung cấp số lượng hàng nhiều, công ty có thể trả ngay hoặc chậm trả tùy trường hợp cụ thể.

2.2.1.2 Hình thức thanh toán tại công ty

Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành áp dụng hai hình thức thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản:

- Các khoản thanh toán với người mua: Doanh nghiệp có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng do thỏa thuận giữa hai bên.

- Các khoản thanh toán cho người bán có giá trị hợp đồng từ 20.000.000 đồng trở lên thì doanh nghiệp bắt buộc phải thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20.000.000 đồng doanh nghiệp có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt tùy theo thỏa thuận giữa hai bên.

- Ngoài ra, là một doanh nghiệp có hoạt động xây lắp nên nên khi ký hợp đồng với khách hàng công ty sẽ được ứng trước một phần giá trị hợp đồng để thi công công trình, tỷ lệ ứng trước do hai bên thỏa thuận với nhau. Khi hạng mục công trình, công trình được hoàn thành và bàn giao công ty sẽ viết hóa đơn cho khách hàng và làm thủ tục thanh toán tiếp số còn lại sau khi trừ đi số tiền bảo hành công trình. Thông thường khách hàng sẽ giữ lại từ 5% đến 10% giá trị hợp đồng tiền bảo hành công trình trong vòng một năm.

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng tại công ty

- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại công ty

TK 131 : Phải thu của khách hàng.

Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng. Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

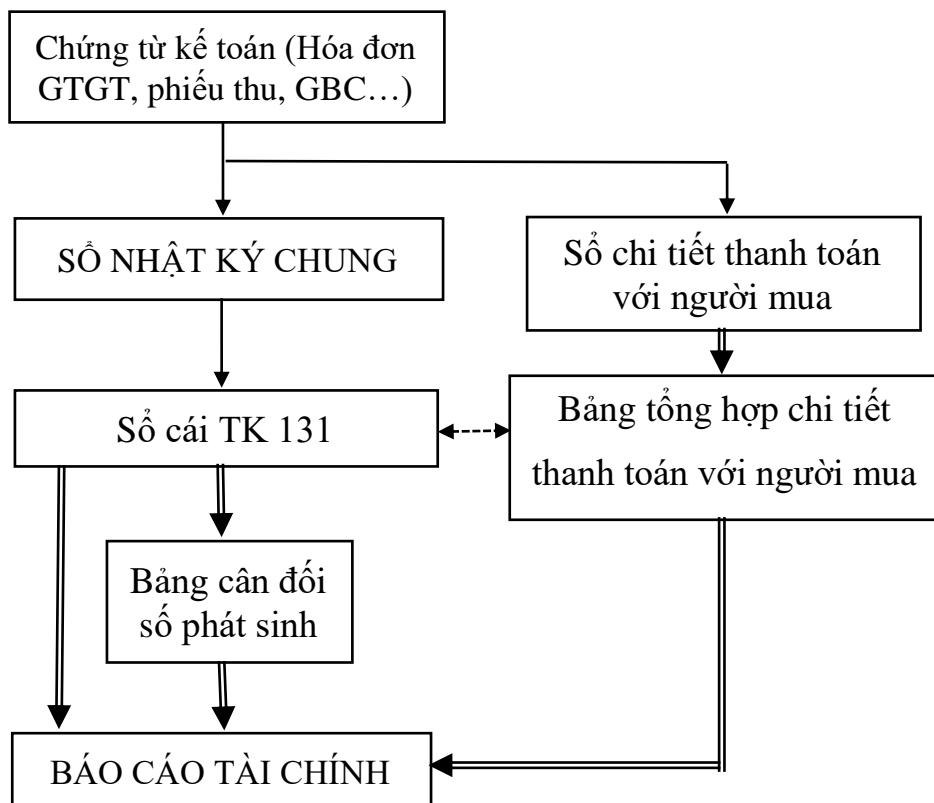
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước...
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.2.3 Sổ sách sử dụng tại công ty

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 131
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

2.2.2.4 Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty

Trình tự kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.4):



Chú thích:

Ghi hàng ngày: —————→
Ghi định kỳ: =====→
Quan hệ đối chiếu ←-----→

Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

Ví dụ 1: Ngày 09/10/2020 nhận được UNC, GBC của Công ty Cổ phần Nam Hoa ứng tiền thi công công trình theo thỏa thuận, số tiền là 225.000.000 đồng bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào Ủy nhiệm chi số 45 của Công ty Cổ phần Nam Hoa (biểu số 2.1) giấy báo Có của ngân hàng (biểu số 2.2) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.4) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty Cổ phần Nam Hoa (biểu số 2.6) , sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng Techcombank – Hải Phòng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 131(biểu số 2.5)


Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở cho Công ty Cổ phần Nam Hoa (biểu số 2.6) để kế toán lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.8).

Ví dụ 2: Ngày 19/10/2020, xuất bán 150 cây sắt phi 10 cho công ty Cổ phần xây dựng Sao Việt với số tiền 10.598.700 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 680 (biểu số 2.3), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.4) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty Cổ phần xây dựng Sao Việt (biểu số 2.7). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.5).

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131– phải thu của khách hàng mở cho Công ty Cổ phần xây dựng Sao Việt (biểu số 2.7) để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.8).


Biểu số 2.1: Ủy nhiệm chi của Công ty Cổ phần Nam Hoa

 TECHCOMBANK CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN	ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER	Số/No: 45 Ngày/Date: 09/10/2020 PHẦN DO NH GHI
Tên đơn vị trả tiền : Công ty Cổ phần Nam Hoa Số tài khoản : 19025683352016 Tại ngân hàng : Techcombank Hải Phòng		TÀI KHOẢN GHI NỢ 19025683352016
Tên đơn vị nhận tiền : Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành Số tài khoản : 19602009817024 Tại ngân hàng : Techcombank Hải Phòng		TÀI KHOẢN GHI NỢ 19602009817024
Số tiền bằng chữ : Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn/.		Số tiền bằng số VND 225.000.000
Nội dung thanh toán: Ứng tiền thi công		

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN	NGÂN HÀNG A	NGÂN HÀNG B
Kế toán Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày	Ghi sổ ngày
	Kế toán Kế toán trưởng	Kế toán Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Biểu số 2.2: Giấy báo có của ngân hàng

	Số: 715
	Mã GDV: TRANGNT
GIẤY BÁO CÓ	Mã KH: 19250
Ngày 09/10/2020	
Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành	
Mã số thuế: 0201726232	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi CÓ: 19602009817024	
Số tiền bằng số: 225.000.000	
Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn/.	
Nội dung: ##Công ty Cổ phần Nam Hoa ứng 30% giá trị hợp đồng tiền thi công công trình nhà xưởng ##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng số 680

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/19P		
Ngày 19 tháng 10 năm 2020			Số: 0000680		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành Mã số thuế: 0201726232 Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Điện thoại: Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Xuân Nam Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt Mã số thuế: 0200625288 Địa chỉ: Số 466 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Sắt phi 10	Cây	150	70.658	10.598.700
Cộng tiền hàng					10.598.700
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		1.059.870	
Tổng cộng tiền thanh toán					11.658.570
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng/.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành
Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			...			
02/10	PC 415	02/10	Tạm ứng đi công tác	141 111	12.000.000	12.000.000
			...			
06/10	PC 422	06/10	Nộp tiền mặt vào ngân hàng	112 111	300.000.000	300.000.000
09/10	BC715	09/10	Công ty Cổ phần Nam Hoa ứng tiền	112 131	225.000.000	225.000.000
15/10	HD 5020 PN 485	15/10	Mua hàng Công ty TNHH Song Thìn	156 133 331	55.800.000 5.580.000	61.380.000
			...			
19/10	HĐ000 0680	19/10	Bán sắt phi 10 cho công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt	131 511 3331	11.658.570	10.598.700 1.059.870
22/10	BN 520	22/10	Thanh toán tiền nợ cho Công ty TNHH Thương mại Song Thìn	331 112	120.000.000	120.000.000
31/10	BKH T10	31/10	Trích khấu hao TSCĐ hữu hình tháng 10	154 642 214	21.245.603 4.857.205	26.102.808
			...			
			Cộng phát sinh năm		<u>315.961.225.075</u>	<u>315.961.225.075</u>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Trích sổ Cái TK 131

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành
Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2020

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		11.314.717.181	
			...			
09/10	BC 715	09/10	Công ty Cổ phần Nam Hoa ứng tiền	112		225.000.000
			...			
12/10	PT 355	12/10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hải Phòng ứng tiền mua hàng	111		15.000.000
12/10	HĐ662	12/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Nam Hoa chưa thanh toán	511, 3331	71.500.000	
15/10	BC 750	15/10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hải Phòng trả tiền hàng	112		56.500.000
			...			
19/10	HĐ680	19/10	Bán sắt phi 10 cho công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt	511, 3331	11.658.570	
			...			
			Cộng phát sinh		7.532.960.100	10.804.175.507
			Số dư cuối kỳ		8.043.501.774	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành
 Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mẫu số S12 - DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng
 Đối tượng: Công ty Cổ phần Nam Hoa
 Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				0	
			...					
09/10	BC715	09/10	Công ty Cổ phần Nam Hoa ứng tiền thi công công trình	112		225.000.000	426.550.000	
11/10	HĐ000 0654	11/10	Bán hàng cho Công ty CP Nam Hoa chưa thanh toán	511; 3331	20.070.000		465.750.000	
12/10	HĐ00 00662	12/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Nam Hoa chưa thanh toán	511; 3331	71.500.000		537.250.000	
			...					
			Cộng số phát sinh		1.181.090.150	570.320.150		
			Số dư cuối năm				610.770.000	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành
 Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mẫu số S12 - DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng
 Đối tượng: Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt
 Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				245.750.810	
			...					
19/10	HĐ000 0680	19/10	Bán sắt phi 10 cho công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt	511, 3331	11.658.570		871.226.870	
23/10	PT382	23/10	Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt ứng tiền mua hàng	111		18.000.000	853.226.870	
27/10	BC 755	27/10	Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt trả nợ tiền hàng	112		130.620.700	722.606.170	
			...					
			Cộng số phát sinh		1.302.750.000	896.050.160		
			Số dư cuối kỳ				652.450.650	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Biểu số 2.8: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Cổ phần Nam Hoa	0		1.181.090.150	570.320.150	610.770.000	
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hải Phòng	860.519.000		2.870.045.000	3.452.980.130	277.583.870	
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt	245.750.810		1.302.750.000	896.050.160	652.450.650	
	...						
	Cộng phát sinh	11.314.717.181		7.532.960.100	10.804.175.507	8.043.501.774	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng tại công ty

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Ủy nhiệm chi
- Phiếu chi
- Giấy đề nghị thanh toán
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng tại công ty

TK 331 – Phải trả người bán.

Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

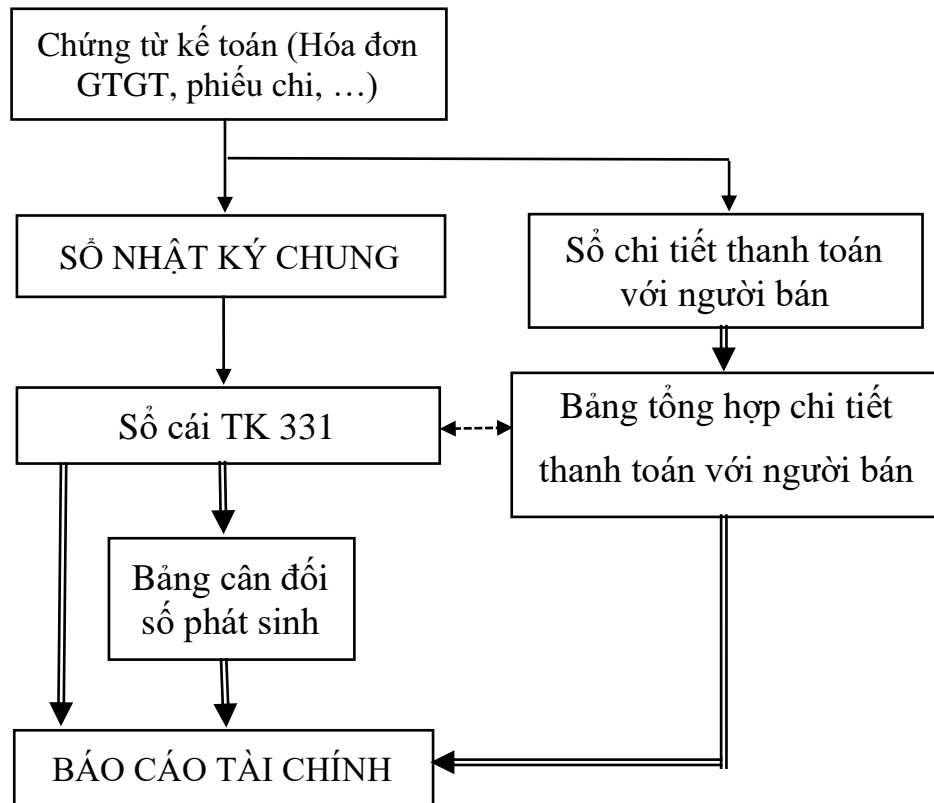
- TK 156 : Hàng hóa
- TK 152 : Nguyên vật liệu
- TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

2.2.3.3 Sổ sách sử dụng tại công ty

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 331
- Sổ chi tiết thanh toán với người bán
- Bảng tổng hợp thanh toán với người bán

2.2.2.4 Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty

Trình tự kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.5):



Chú thích:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi định kỳ: \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 331 phải trả cho người bán mở cho từng nhà cung cấp. Sau đó kế toán căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 331, TK 152, TK 156, TK133...

Cuối kỳ, từ sổ chi tiết tài khoản 331 lập bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 331 và cộng số liệu trên sổ cái tài khoản 331 và sổ cái các tài khoản có liên quan kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu trong sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 331) Sau đó được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ 3: Ngày 15/10/2020 Công ty mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Song Thìn số tiền 61.380.000 đồng (bao gồm VAT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 5020 (biểu số 2.9) và phiếu nhập kho (biểu số 2.10), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.13) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 mở cho Công ty TNHH Thương mại Song Thìn (biểu số 2.15). Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.14) và các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 331- phải trả người bán mở cho Công ty TNHH Thương mại Song Thìn (biểu số 2.15) để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (biểu số 2.16).

Ví dụ 4: Ngày 22/10/2020, công ty thanh toán tiền nợ cho Công ty TNHH Thương mại Song Thìn bằng chuyển khoản, số tiền 120.000.000 đồng.

Căn cứ vào Ủy nhiệm chi số 25 (biểu số 2.11) và GBN 840 (biểu số 2.12), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.13) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả cho người bán cho CN Công ty TNHH Thương mại Song Thìn (biểu số 2.15). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.14).

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả người bán mở cho Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Song Thìn (biểu số 2.15) để lập bảng tổng hợp nợ phải trả người bán (biểu số 2.16).

Biểu số 2.9 : Hóa đơn giá trị gia tăng số 5020

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho người mua		Ký hiệu: AA/19P			
Ngày 15 tháng 10 năm 2020		Số: 0005020			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Song Thìn Mã số thuế: 0200409537 Địa chỉ: Số 1A Đại lộ Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Điện thoại: 0225 3701290 Số tài khoản: :					
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành Mã số thuế: 0201726232 Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hình thức thanh toán: CK/TM SốTK: 19602008817024 - Techcombank - Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Xi măng Thặng Long PC30	Bao	450	68.000	30.600.000
2	Xi măng PC40	Bao	350	72.000	25.200.000
Cộng tiền hàng					55.800.000
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			5.580.000
Tổng cộng tiền thanh toán					61.380.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Biểu số 2.10: Phiếu nhập kho số 485

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Xây

Mẫu số 01 - VT

dựng và Dịch vụ Quân Thành

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-

Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lô,

BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành

phố Hải Phòng, Việt Nam.

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 15 tháng 10 năm 2020

Số: 485

Nợ TK 156: 55.800.000

Có TK 331: 55.800.000

-Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Văn Minh

-Theo HĐGTGT số 5020 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Công ty TNHH Thương mại Song Thìn

-Nhập tại kho (ngăn lô): vật liệu xây dựng

TT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Xi măng Thăng Long PC30		Bao	450	450	68.000	30.600.000
2	Xi măng PC40		Bao	350	350	72.000	25.200.000
	Cộng						55.800.000

-Tổng số tiền viết bằng chữ: Năm mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn/.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ HĐGTGT số 0005020

Ngày 15 tháng 10 năm 2020

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)


Biểu số 2.11: Ủy nhiệm chi số 25

 TECHCOMBANK CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN	ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER	Số/No: 25 Ngày/Date: 22/10/2020 PHẦN DO NH GHI
Tên đơn vị trả tiền : Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành Số tài khoản : 19602009817024 Tại ngân hàng : Techcombank Hải Phòng		TÀI KHOẢN GHI NỢ 19602009817024
Tên đơn vị nhận tiền : Công ty TNHH Thương mại Song Thìn Số tài khoản : 19025685342060 Tại ngân hàng : Techcombank Hải Phòng		TÀI KHOẢN GHI NỢ 19025685342060
Số tiền bằng chữ : Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn/.		Số tiền bằng số
Nội dung thanh toán: Thanh toán công nợ		VND 120.000.000

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN	NGÂN HÀNG A	NGÂN HÀNG B
Kế toán Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày	Ghi sổ ngày
	Kế toán Kế toán trưởng	Kế toán Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Biểu số 2.12: Giấy báo nợ của ngân hàng số 840

 TECHCOMBANK	SỐ: 840 Mã GDV: TRANGNT Mã KH: 19250
GIẤY BÁO NỢ Ngày 22/10/2020	
Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành Mã số thuế: 0201726232	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi NỢ: 19602009817024	
Số tiền bằng số: 120.000.000	
Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn/.	
Nội dung: ##Thanh toán tiền nợ cho Công ty TNHH Thương mại Song Thìn##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Biểu số 2.13: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành
Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			...			
02/10	PC 415	02/10	Tạm ứng đi công tác	141 111	12.000.000	12.000.000
			...			
06/10	PC 422	06/10	Nộp tiền mặt vào ngân hàng	112 111	300.000.000	300.000.000
09/10	BC715	09/10	Công ty Cổ phần Nam Hoa ứng tiền	112 131	225.000.000	225.000.000
15/10	HĐ 5020 PN 485	15/10	Mua hàng Công ty TNHH Thương mại Song Thìn	156 133 331	55.800.000 5.580.000	61.380.000
			...			
19/10	HĐ000 0680	19/10	Bán sắt phi 10 cho công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt	131 511 3331	11.658.570	10.598.700 1.059.870
22/10	UNC25 BN 840	22/10	Thanh toán tiền nợ cho Công ty TNHH Thương mại Song Thìn	331 112	120.000.000	120.000.000
31/10	BKH T10	31/10	Trích khấu hao TSCĐ hữu hình tháng 10	154 642 214	21.245.603 4.857.205	26.102.808
			...			
			Cộng phát sinh năm		315.961.225.075	315.961.225.075

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Biểu số 2.14: Trích sổ Cái TK 331

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Xây

Mẫu số S03b-DNN

dựng và Dịch vụ Quân Thành

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-

Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lôi,

BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành

phố Hải Phòng, Việt Nam.

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2020

Tên tài khoản: Phải trả cho người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			4.979.877.879
			...			
15/10	HĐ 5020	15/10	Mua hàng Công ty TNHH Thương mại Song Thìn	156; 133		61.380.000
			...			
19/10	BN818	19/10	Trả tiền mua hàng Công ty TNHH Thương mại Hoàng Huyền	112	90.000.000	
21/10	HĐ 8758	21/10	Mua hàng công ty TNHH Huệ Tâm	156; 133		60.720.000
			...			
22/10	UNC25 BN840	22/10	Thanh toán tiền nợ cho Công ty TNHH Thương mại Song Thìn	112	120.000.000	
			...			
			Cộng phát sinh		8.286.459.803	6.350.904.450
			Số dư cuối kỳ			3.044.322.526

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Biểu số 2.15: Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành
Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mẫu số S12 - DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán
Đối tượng: Công ty TNHH Thương mại Song Thìn
Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu năm					720.462.700
			...					
15/10	HĐ000 5020	15/10	Mua hàng Công ty TNHH Thương mại Song Thìn	156; 133		61.380.000		583.790.240
18/10	HĐ000 5112	18/10	Mua hàng Công ty TNHH Thương mại Song Thìn	156; 133				435.672.050
22/10	UNC25 BN 840	22/10	Thanh toán tiền nợ cho Công ty TNHH Thương mại Song Thìn	112	120.000.000			318.672.050
			...					
			Cộng số phát sinh		1.547.131.830	1.256.890.000		
			Số dư cuối năm					430.220.870

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

Địa chỉ: Số 79/170 đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Thương mại Song Thìn		720.462.700	1.547.131.830	1.256.890.000		430.220.870
2	Công ty TNHH Huệ Tâm		547.250.610	790.820.770	627.000.150		383.429.990
3	Công ty TNHH Thương mại Hoàng Huyền		451.288.991	891.283.172	966.243.172		526.248.991
	...						
	Cộng phát sinh		4.979.877.879	8.286.459.803	6.350.904.450		3.044.322.526

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ QUÂN THÀNH

3.1. Đánh giá về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong thời kì kinh tế phát triển hiện nay, công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn trong lĩnh vực hoạt động của mình với sự phát triển của hệ thống nhà cung cấp và khách hàng. Vì vậy, kế toán công nợ với nhà cung cấp và khách hàng ngày càng hoàn thiện hơn nhằm phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

Trong công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành có những ưu điểm đã đạt được song vẫn còn tồn tại nhược điểm cần phải khắc phục. Nhiệm vụ của kế toán thanh toán với người mua và người bán của Công ty là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế và khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán ngày càng hiệu quả hơn nữa.

3.1.1. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, mọi công việc kế toán đều tập trung tại phòng kế toán của doanh nghiệp, thuận lợi cho việc quản lý, giám sát, theo dõi tình hình, tránh tình trạng thất lạc các chứng từ cũng như sai sót trong quá trình công tác kế toán.

Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên tạo thuận lợi cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu với các bộ phận có liên quan một cách chính xác. Giúp cho việc lập báo cáo tài chính được thuận lợi, cũng như công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

- Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng theo hình thức sổ “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng cho các cấp quản lý.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính:

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quy định của Nhà nước.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

- Về công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ:

Công tác thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung là tốt. Công ty mở sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ phải thu, phải trả của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu tương đối kịp thời.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành còn bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất: Đối với các khoản nợ thì công ty chưa có biện pháp để thu hồi nợ hiệu quả và công tác đối chiếu công nợ để thu hồi vốn chưa được diễn ra thường xuyên.

Thứ hai: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Hiện nay tại công ty có phát sinh nợ phải thu khó đòi (đòi nhiều lần nhưng khách hàng trì hoãn chưa thanh toán) nhưng công ty hiện nay chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Việc công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong tương lai và số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính không phản ánh đúng tình hình tài chính tại doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG
ĐẾN HẠN VÀ QUÁ HẠN THANH TOÁN**

Đến ngày 31/12/2020

STT	Tên khách hàng	Dư nợ đến 31/12/2020	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Nam Hoa	610.770.000	558.640.000		52.130.000	6 tháng 10 ngày
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hải Phòng	277.583.870	195.752.000	81.831.870		
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt	652.450.650	330.725.000	221.300.420	100.425.230	1 năm 2 tháng
4	Công ty Cổ phần Thanh Thủy	120.550.000			120.550.000	8 tháng 20 ngày
...
	Tổng cộng	8.043.501.774	5.270.485.000	1.853.004.000	920.012.774	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Thứ ba: Về công tác thanh toán cho người bán.

Công ty có nhiều hoạt động mua bán với những công ty khác, cũng chính vì thế nên có nhiều khoản thanh toán với người bán chưa trả đúng hạn, chậm trả. Do công ty chưa thu hồi kịp các khoản nợ, dẫn đến việc chậm trả làm giảm uy tín của công ty với các đối tác.

Thứ tư: Đối với công tác ghi chép sổ sách kế toán: Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng kế toán chỉ sử dụng Excel và máy tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên việc tính toán gặp khó khăn, dễ dẫn đến sai sót. Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty chủ yếu là thủ công, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển mạnh mẽ. Đối với mỗi doanh nghiệp không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu để tồn tại. Để đạt được mục tiêu đó Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng, phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi những cơ chế không phù hợp với doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán nói riêng.

Nghiệp vụ thanh toán với người mua và người bán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình bán hàng. Các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó tạo ra vốn cho doanh nghiệp phát triển và góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nên việc ghi chép, theo dõi các nghiệp vụ thanh toán giúp việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác hạch toán kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán phải đảm bảo cung cấp thông tin kế toán kịp thời và thật chính xác. Điều này rất quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến công ty. Đây là điều quan trọng, mấu chốt trong công tác quản lý nội bộ của công ty, cũng như ảnh hưởng đến các đối tượng bên ngoài có ảnh hưởng trực tiếp tới công ty như ngân hàng, nhà đầu tư.

Việc cung cấp thông tin kế toán phải luôn đảm bảo tính kịp thời và tính chính xác cao.

Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc, chế độ kê toán mà Bộ Tài chính ban hành. Đây là chuẩn mực pháp lý để đối chiếu và chỉ đạo cho cán bộ phòng kế toán. Các thông tin kế toán được lập dựa trên quy định của Nhà nước giúp việc thu thập thông tin kế toán chính xác cho việc đánh giá hoạt động tài chính của công ty.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành ngoài những mặt tích cực thì về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số ý kiến đề xuất để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty như sau:

3.2.3.1 Công ty nên đẩy mạnh các giải pháp thu hồi công nợ

Để đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ có nhiều giải pháp như:

- **Công ty nên tăng cường tổ chức quản lý các khoản phải thu của khách hàng:** Phải đảm bảo phân công rõ ràng, bố trí nhân sự hợp lý cho việc đôn đốc, theo dõi thu hồi công nợ trên cơ sở nguồn nhân lực hiện có.

- Công ty nên mở sổ chi tiết công nợ và lập báo cáo chi tiết công nợ theo “tháng”.

Để có cơ sở số liệu kịp thời giúp cán bộ công nợ cũng như các nhà quản lý trong công ty nắm bắt kịp thời số lượng khách nợ, số tiền nợ của từng khách nợ phải thu, công ty nên chuyển kỳ báo cáo công nợ theo “quý” sang báo cáo công nợ theo “tháng” để thúc đẩy thu hồi nợ kịp thời. Việc theo dõi thường xuyên các khoản nợ phải thu giúp cho công tác quản lý nợ được thuận lợi, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra khi cần thiết từ đó cung cấp thông tin kịp thời cho việc ra quyết định.

- Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán sớm, thanh toán trước hạn.

Chiết khấu thanh toán: là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp trên công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán: Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng, mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại... để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp.

Giả sử lãi suất tiền gửi kì hạn từ 1 đến dưới 3 tháng tại ngân hàng Techcombank là 5.1%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn là 9,2%/năm. Công ty có thể có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 0,5%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước dưới 15 ngày.
- Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày.
- Chiết khấu 0,7%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.

Phương pháp hạch toán:

Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định ghi:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách

Có TK 131, 111, 112

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ. Hạn chế việc khách hàng kéo dài thời gian, khất lần việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Ví dụ: Ngày 11/10/2020, theo hóa đơn GTGT số 0000662 Công ty bán vật liệu xây dựng cho Công ty Cổ phần Nam Hoa với giá trị đã bao gồm thuế GTGT 10% là 71.500.000 đồng, chưa thu tiền.

Theo hợp đồng kinh tế được ký kết giữa 2 công ty thì thời hạn thanh toán là trong vòng 15 ngày. Giả sử Công ty Cổ phần Nam Hoa thanh toán ngay tiền khi giao hàng và được Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành cho hưởng chiết khấu thanh toán với mức như trên thì số tiền chiết khấu thanh toán được tính như sau: $(71.500.000 \times 0,5\% \times 15)/31 = 172.984$ đồng.

Số tiền chiết khấu này được trừ vào tiền hàng trước khi thanh toán, khi đó kế toán sẽ định khoản:

Nợ TK 635: 172.984

Có TK 131: 172.984

3.2.3.2 Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Công ty nên thực hiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi để tránh rủi ro mất vốn trong quá trình hoạt động do không thu hồi được nợ.

**Theo Điều 6 TT 48/2019/TT-BTC khi hạch toán tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi phải tuân thủ một số nguyên tắc sau:*

- Khi lập Báo cáo tài chính: Doanh nghiệp xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Doanh nghiệp trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng

vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

**Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*

Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm:

- Một trong số các chứng từ gốc sau: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ;

- Bản thanh lý hợp đồng (nếu có);

- Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát);

- Bảng kê công nợ;

- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, doanh nghiệp đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì doanh nghiệp có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải

thu khó đòi trên sổ kế toán. Việc xoá các khoản nợ phải thu khó đòi phải thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp và trình bày trong thuyết minh BCTC. Nếu sau khi đã xoá nợ, doanh nghiệp lại đòi được nợ đã xử lý thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào tài khoản 711 "Thu nhập khác".

Đối với khoản tổn thất về nợ phải thu nếu đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp sử dụng số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập để bù đắp, trường hợp số dự phòng đã trích lập không đủ bù đắp tổn thất thì số tổn thất còn lại được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Tài khoản sử dụng:* Tài khoản 2293: Dự phòng phải thu khó đòi

Kết cấu tài khoản 2293:

- Bên nợ:

Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích kỳ trước chưa sử dụng hết.

Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã đập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

Bù đắp giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xoá sổ.

- Bên có:

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Số dư bên có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

**Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:*

- Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh (6422)

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293).

- Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh (6422).

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331, 334....(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)(phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (phần được tính vào chi phí)

Có TK 131, 138, 128, 244...

- Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112,....

Có TK 711 - Thu nhập khác.

- Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thoả thuận, tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

+ Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có TK 131, 138, 128, ...

+ Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh(số tổn thất từ việc bán nợ)

Có TK 131, 138, 128, ...

- Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn Nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Căn cứ trên số liệu nợ phải thu khó đòi ta có thể lập bảng trích lập dự phòng của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành đến hết ngày 31/12/2020:

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành
Ngày 31/12/2020

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ quá hạn	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty Cổ phần Nam Hoa	52.130.000	6 tháng 10 ngày	30%	15.639.000
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Việt	100.425.230	1 năm 2 tháng	50%	50.212.615
3	Công ty Cổ phần Thanh Thủy	120.550.000	8 tháng 20 ngày	30%	36.165.000
...
	Tổng cộng	920.012.774	X	X	418.605.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành)

Tổng tiền phải trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 418.605.000 đồng.

Căn cứ vào số liệu trên kế toán ghi:

Nợ TK 642: 418.605.000

Có TK 229: 418.605.000

3.2.3.3 Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác ghi sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

Hiện tại Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc, vì vậy công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

Phần mềm kế toán là một hệ thống được tổ chức dưới dạng chương trình máy tính dùng để xử lý tự động các thông tin trên máy vi tính, là một công cụ ghi chép lưu trữ, tính toán và tổng hợp trên cơ sở các dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc. Nó phải đáp ứng các nhu cầu quản trị kế toán của doanh nghiệp cũng như đáp ứng các quy định về sổ sách kế toán của nhà nước.

Một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là sẽ không phải tốn quá nhiều thời gian giống như khi sử dụng hệ thống kế toán cũ. Kế toán là một quá trình chi tiết, nó liên quan đến các quy định luật lệ, thuế và nhiều tính toán phức tạp khác. Một phần mềm đã được thiết kế phù hợp với quy định, luật lệ, thuế... hiện hành sẽ giúp doanh nghiệp luôn tuân thủ với pháp luật. Hơn nữa, nó giúp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp. Điều doanh nghiệp cần làm là nhập dữ liệu và in ra.

Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán có những ưu điểm sau:

- Ít tốn thời gian: đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

- Chính xác: chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

- Dễ sử dụng: Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.

- Lập báo cáo: Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kì theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vài giây, đây là một bước cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, hàng tuần hoặc hàng tháng.

- Công nợ: Quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn. Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi, báo cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm,... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng theo dõi công nợ của khách hàng này đến từ những đơn hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng Excel khi người quản lý muốn in tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, MISA, VACOM, BRAVO... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho tổ chức kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán như sau: Phần mềm kế toán Misa, Phần mềm kế toán Fast,..

Phần mềm kế toán Misa

Phần mềm kế toán Misa là phần mềm kế toán dành cho mọi doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: hợp đồng, ngân sách, quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, kho, công cụ dụng cụ, tài sản cố định, tiền lương,

thuế, giá thành. Phần mềm kế toán Misa phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: xây lắp, sản xuất, dịch vụ, thương mại.

- Ưu điểm:

+ Giao diện đơn giản, dễ dàng sử dụng;

+ Đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ kế toán cho hầu khắp các lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây dựng, sản xuất, ...

+ Kiểm tra, đối chiếu chứng từ, sổ sách, kết chuyển lãi lỗ, lập BCTC tự động sau khoảng 5 phút;

+ Tiết kiệm thời gian xử lý công việc, độ chính xác cao: Giảm đến 80% thời gian, 90% sai sót so với làm kế toán theo phương pháp thông thường;

+ Cập nhật đầy đủ, nhanh chóng, thường xuyên các quy định mới của pháp luật, các biểu mẫu thay đổi (nếu có);

+ Khả năng bảo mật thông tin cao.

- Nhược điểm

+ Phần mềm kế toán của Misa đòi hỏi máy tính cài đặt phải có cấu hình máy tương đối cao, đảm bảo chương trình của phần mềm chạy mượt;

+ Thường bảo trì hoặc nâng cấp hệ thống, do đó đôi khi xảy ra tình trạng lỗi hoặc chậm;

+ Các báo cáo khi kết xuất ra file excel không được sắp xếp theo đúng thứ tự như trước đó, đây là một nhược điểm gây tốn công sức và thời gian cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Misa:



Phần mềm kế toán Fast

Là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn điển hình là các doanh nghiệp lớn phải cần báo cáo về việc quản lý, hay các doanh nghiệp xây dựng.

- Ưu điểm

+ Đầy đủ nghiệp vụ đáp ứng tốt nhu cầu quản lý của từng loại hình doanh nghiệp

+ Báo cáo quản trị đa dạng, công nghệ tiên tiến

+ Tốc độ truy xuất nhanh, nhiều tính năng, tiện ích vượt trội

+ Cho phép quản lý số liệu liên năm. Người sử dụng có thể lên các báo cáo công nợ, các báo cáo liên quan đến các hợp đồng, công trình xây dựng... của nhiều năm mà không phải in riêng từng năm rồi sau đó ghép các báo cáo lại với nhau.

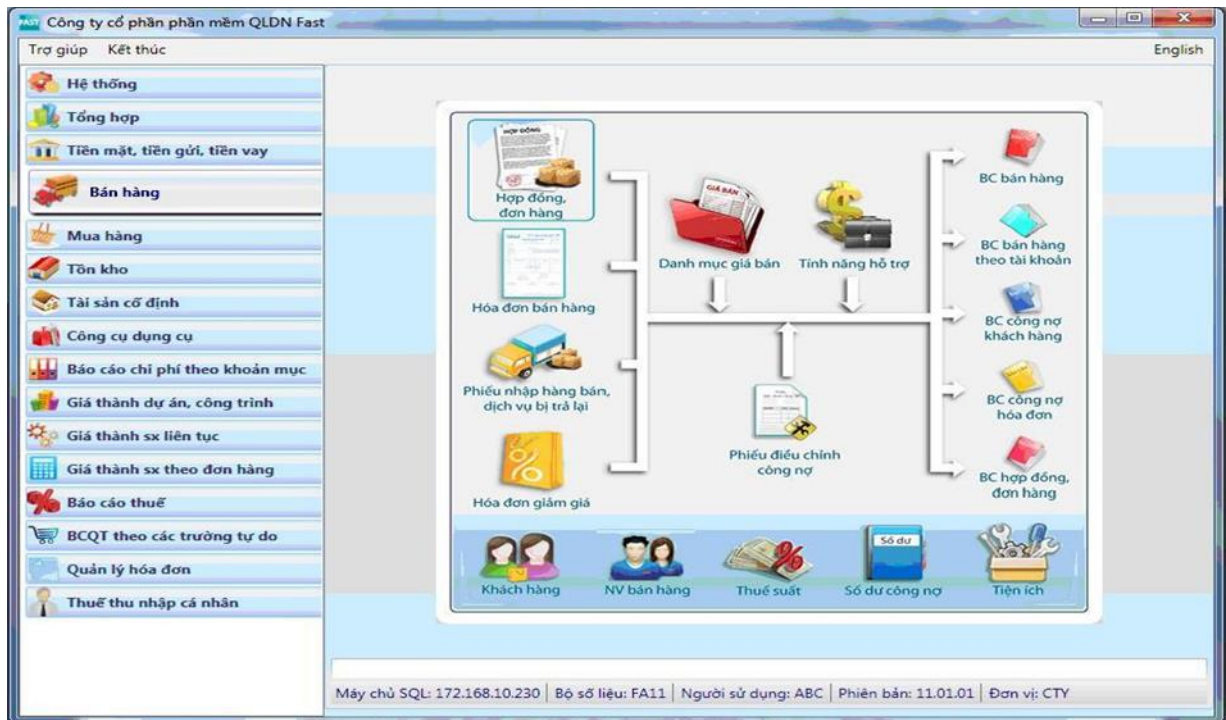
- Nhược điểm

+ Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

+ Do tính năng đa dạng nên người dùng đôi khi sẽ không biết các tính năng của chúng.

+ Người dùng không tối ưu được tính năng của phần mềm Fast.

Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Fast:



Phần mềm kế toán Bravo

BRAVO là phần mềm kế toán quản trị, được thiết kế hệ thống mở với cấu trúc thiết kế 3 lớp có thể dễ dàng được chỉnh sửa, nâng cấp, mở rộng theo nhu cầu của khách hàng.

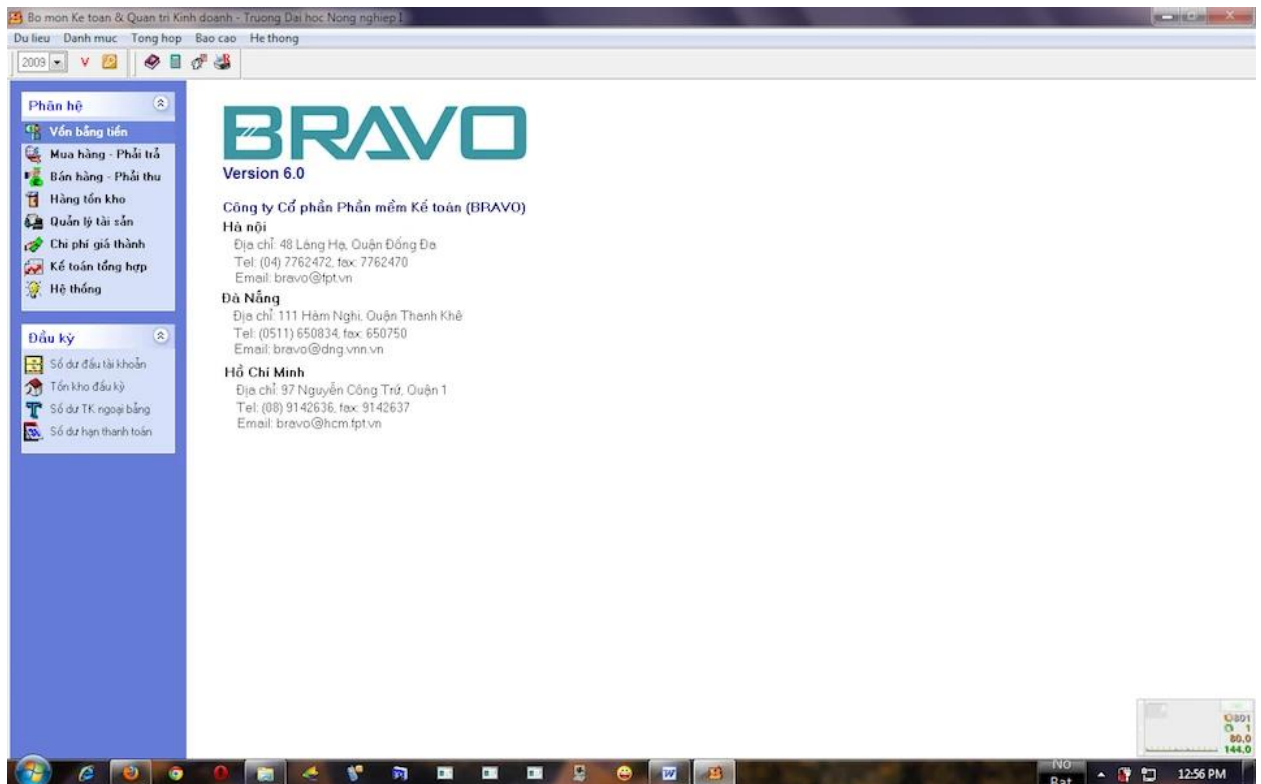
- Ưu điểm

+ Phần mềm BRAVO triển khai hiệu quả các phân hành thuộc nghiệp vụ kế toán, mang tính quản trị cao

+ Cho phép liên kết dữ liệu số liệu, có chức năng tìm và tự sửa lỗi dữ liệu, tự sao lưu số liệu theo lịch đã lập trước đó

+ Tính ổn định chương trình, sự đơn giản và dễ sử dụng. BRAVO cho phép người dùng truy cập dữ liệu cả mạng nội bộ và truy cập từ xa thông qua hệ thống mạng diện rộng WAN/Internet

- Nhược điểm
 - + Giá thành cao
 - + Thời gian triển khai dài hơn, vì quá trình triển khai cần thực hiện đến khi đã đáp ứng được đủ các yêu cầu của khách hàng theo hợp đồng, đồng thời hỗ trợ khách hàng nhập liệu, lên được báo cáo của kỳ, mới chính thức nghiệm thu phần mềm.
- Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Bravo:



Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành nên mua phần mềm kế toán Fast Accounting vì phần mềm kế toán này có nhiều đặc điểm nổi trội hơn các phần mềm khác về lĩnh vực xây dựng như: Tính giá thành dự án, công trình. Lên báo cáo chi phí, giá thành, doanh thu, lợi nhuận của dự án. Theo dõi số lũy kế từ khi khởi công...

KẾT LUẬN

Đề tài “*Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành*” đã giải quyết được một số vấn đề đặt ra như sau:

- Về mặt lý luận:

+ Hệ thống hóa được những lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán của các doanh nghiệp theo TT số 133/201/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Về mặt thực tiễn:

+ Đã phản ánh thực tế công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành;

+ Đã đánh giá những ưu khuyết điểm chủ yếu trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng tại Công ty;

+ Đã đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân Thành:

- ✓ Ý kiến thứ nhất: Công ty nên đẩy mạnh các giải pháp thu hồi công nợ
- ✓ Ý kiến thứ hai: Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi
- ✓ Ý kiến thứ ba: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác ghi sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

Do thời gian có hạn và kinh nghiệm thực tế của em còn hạn chế, rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân;
2. Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính;
3. Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính;
4. Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Quân thành (2020), *Tài liệu sổ sách, Báo cáo tài chính*.